

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày 05-3-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đồng Thị Thường

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Mai Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 402/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V; nơi ĐKKHKT: Thôn 1, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn B1, xã T, huyện L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn Đ; nơi cư trú: Thôn 1, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn Đ chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 05 tháng 5 năm 2005. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng gia đình anh Đ ở thôn 1, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, nên

thường xuyên xảy ra va chạm cãi, đánh nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình bố, mẹ hai bên khuyên ngăn, hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ năm 2016 đến nay, chị đã về cư trú cùng bố, mẹ đẻ chị ở thôn B1, xã T, huyện L, thành phố Hải Phòng, cũng từ đó, chị và anh Đ sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đỗ Văn Đ có hai con chung là Đỗ Quốc M, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2005 và Đỗ Thị Ngọc Q, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2006. Chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn là anh Đỗ Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn của anh và chị Nguyễn Thị V theo như chị V đã khai là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị V có biểu hiện quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên hay đi sớm, về khuya. Anh có góp ý nhưng chị V không tiếp thu, sửa chữa mà vẫn chứng nào tật ấy. Từ năm 2016 đến nay, chị V đã bỏ về cư trú cùng với bố, mẹ đẻ chị V ở huyện L. Sau khi chị V bỏ đi, anh có đến tìm nhưng không lần nào chị V về đoàn tụ cùng anh. Hiện tại vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị V nên chị V xin ly hôn, anh không đồng ý, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị V có hai con chung theo như chị V đã khai là đúng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị V ly hôn, anh đồng ý để chị V nuôi dưỡng hai con chung. Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do đã vi phạm các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị V, xử cho chị V được ly hôn anh Đỗ Văn Đ; Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao các con chung Đỗ Quốc M, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2005 và Đỗ Thị Ngọc Q, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2006 cho chị V nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con

và tài sản, do các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết. Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị V có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Đỗ Văn Đ. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Đỗ Văn Đ hiện đang cư trú tại thôn 1, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị V vắng mặt có lời khai đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đỗ Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện An Dương tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị V và anh Đỗ Văn Đ.

[3] Chị Nguyễn Thị V và anh Đỗ Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 05 tháng 5 năm 2005, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị V và anh Đỗ Văn Đ đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên xảy ra va chạm đánh cãi chửi nhau. Hiện tại vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh Đ mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị xin được ly hôn của chị Nguyễn Thị V đối với anh Đỗ Văn Đ. Anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng anh Đ cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Vì vậy, việc anh Đ không đồng ý ly hôn là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Đỗ Văn Đ có hai con chung là Đỗ Quốc M, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2005 và Đỗ Thị Ngọc Q, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2006. Chị Vân và anh Đức đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị V nuôi dưỡng. Các con chung Đỗ Quốc M và Đỗ Thị Ngọc Q đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, quan điểm của chị V và anh Đ là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các con chung và quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị V và anh Đỗ Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[7] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Đỗ Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Tòa án không giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị V là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị V và anh Đỗ Văn Đ được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Đỗ Văn Đ.
2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao các con chung Đỗ Quốc M, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2005 và Đỗ Thị Ngọc Q, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2006 cho chị V nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.
Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Chị V đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn theo Biên lai thu tiền số 4534 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, nên chị V không phải nộp nữa.
4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã B, huyện A, HP;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Minh Huế

